

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2020
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp t, xã t, huyện c, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông ONG CHUN C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 7 J T 35 T T Utama, Air K, 75450 Melaka Malaysia.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Vào năm 2016, bà và ông Ong Chun C có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 12/9/2016. Trong thời gian chung sống bà và ông C có nhiều quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Bà N về Việt Nam từ tháng 08/2017 đến nay, ông bà không còn

liên lạc với nhau. Nay bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Ong Chun C, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ong Chun C

Về con chung: Bà và ông Ong Chun C có 01 người con chung là Ong Jian A, giới tính nam, sinh ngày 08/11/2016, hiện đang sống tại Việt Nam với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Ong Chun C cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn do bà có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Ong Chun C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều N theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N, giao cháu Ong Jian A sinh ngày 08/11/2016 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Ong Chun C vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Ong Chun C.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Ong Chun C là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 12/9/2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Ong Chun C là do trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau từ tháng 08/2017 đến nay. Hiện tại bà Kiều N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C. Đối với ông Ong Chun C Tòa án đã thực hiện ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Ong Chung C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều N với ông Ong Chung C.

Về con chung: Giữa bà N và ông Ong Chung C có 01 người con chung là Ong Jian A, giới tính nam, sinh ngày 08/11/2016, hiện đang sống với bà N. Xét thấy, cháu An hiện nay do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N vẫn đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt như những đứa trẻ khác ở địa phương. Do vậy cần giữ ổn định cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu An, căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận giao cháu Ong Jian A cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông Ong Chun C không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

[4]. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Kiều N phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà N đã nộp theo biên lai 0036753 ngày 13/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chi phí ủy thác thực tế: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp 3.000.000đ được khấu trừ chi phí thực tế đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 02808 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Ong Chun C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với ông Ong Chun C.

2. Về con chung: Giao cháu Ong Jian A, giới tính nam, sinh ngày 08/11/2016 cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến của bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Ông Ong Chun C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều N xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0000514 ngày 11/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Kiều N phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0036753 ngày 13/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chi phí ủy thác thực tế: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp 3.000.000đ được khấu trừ chi phí thực tế đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 02808 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Ong Chun C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày

bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND quận, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương